

BÁN [-23%]

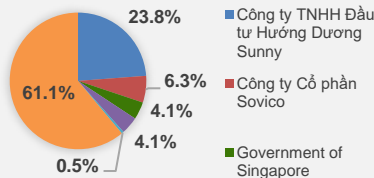
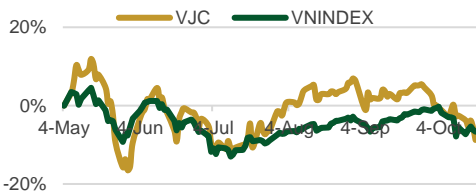
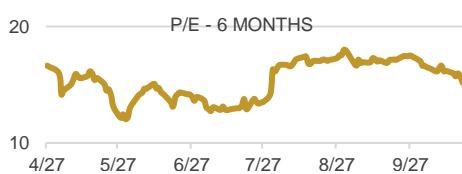
Ngày cập nhật: 06/11/2018

Giá mục tiêu	104,300	VNĐ
Giá hiện tại (5/11)	135,600	VNĐ

Phạm Văn Tuấn
 (+84-28) 5413 5472 – tuphan@phs.vn

Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	541.6
Free-float (triệu)	270.8
Vốn hóa (tỷ đồng)	73,493
KLGD TB 3 tháng	703,371
Sở hữu nước ngoài	23.87%
Ngày niêm yết đầu tiên	28/02/2017

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: FiinPro

Nhiều rủi ro trong ngắn hạn che lấp triển vọng của doanh nghiệp

Cập nhật kết quả kinh doanh: Kết thúc 9 tháng đầu năm 2018, VJC ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhờ vào đà tăng trưởng ổn định của mảng vận tải hành khách nhờ gia tăng các tuyến bay quốc tế, ngoài ra mảng dịch vụ phụ trợ tăng trưởng mạnh cũng giúp VJC ghi nhận KQKD tương đối khả quan. Qua đó, lũy kế doanh thu đạt 33,934 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3,681 tỷ đồng tăng trưởng 33% so với cùng kỳ năm trước

Dự phóng kết quả kinh doanh 2018 và 2019: Trong năm 2018, chúng tôi cho rằng VJC có thể đạt 49,726 và 58,126 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng lần lượt 17.5% và 16.9%.

Trong đó chúng tôi kỳ vọng doanh thu mảng kinh doanh cốt lõi đạt mức 29,972 tỷ đồng và 38,372 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 33% và 28% nhờ vào đà tăng trưởng khá tích cực của lượng hành khách quốc tế và các loại hình dịch vụ phụ trợ.

Đối với doanh thu từ mảng SLB, chúng tôi giả định trong năm 2018 và 2019 VJC có thể sẽ tiếp nhận thêm khoảng 10 chiếc máy bay mới trong mỗi năm, qua đó nâng số lượng đội tàu bay cán mốc 71 chiếc vào năm 2019.

Đồng thời chúng tôi cũng hạ biên lợi nhuận gộp của VJC từ mức 15.5% của năm 2017 xuống còn 15% trong năm 2018 và 2019 do giá nguyên liệu đã tăng mạnh hơn 35% so với cùng kỳ năm trước, tuy vậy mảng dịch vụ phụ trợ tăng trưởng tốt bù đắp lại sự ảnh hưởng tiêu cực tới từ giá nguyên liệu bay.

Qua đó lợi nhuận sau thuế của VJC bao gồm mảng SLB có thể đạt 5,810 và 6,957 tỷ đồng. EPS hoạt động cốt lõi VJC có thể đạt 6,955 VNĐ/CP trong năm 2019.

Định giá & khuyến nghị: Dựa vào phương pháp định giá so sánh P/E với các công ty trong cùng khu vực, chúng tôi chọn mức P/E dự phóng cho VJC trong năm 2019 là 15x. Với mức P/E trên, chúng tôi cho rằng mức giá hợp lý của VJC là 104,300 VNĐ/CP. Do đó chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Bán đối với cổ phiếu VJC trong bối cảnh các rủi ro trong ngắn hạn đang che lấp đi triển vọng của doanh nghiệp trong dài hạn.

Mặc dù vậy việc giá dầu đang có dấu hiệu hạ nhiệt và giao dịch quanh mức 75\$/thùng cùng triển vọng ngành khá hấp dẫn vẫn giúp VJC là cổ phiếu đáng quan tâm trong dài hạn khi ngành vận tải hàng không còn dư địa phát triển lớn khi sân bay quốc tế Long Thành đi vào hoạt động sẽ tạo thêm dư địa cho các hãng hàng không phát triển trong dài hạn.

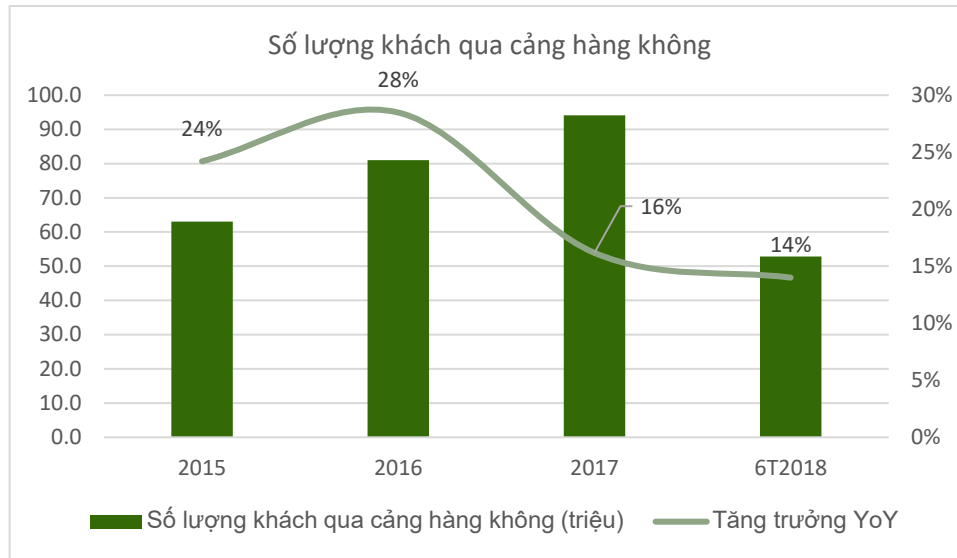
Rủi ro: Cơ sở hạ tầng của các cảng hàng không chưa đáp ứng được khả năng tăng tốc của VJC trong giai đoạn tới. Giá nguyên liệu bay tăng mạnh gây áp lực lên khả năng sinh lời của VJC. Rủi ro tới từ hoạt động SLB có thể gây ra trong tương lai. Rủi ro về pha loãng ảnh hưởng tới cổ phiếu VJC.

Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018F	2019F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	8,706	19,845	27,499	42,303	49,727	58,126
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	360	1,170	2,496	5,073	5,810	6,957
EPS (VNĐ)	4,505	8,071	8,319	11,241	10,727	12,845
EPS hoạt động cốt lõi ước tính	N/A	N/A	N/A	N/A	4,837	6,955
Giá trị sổ sách (VNĐ)	12,074	14,802	15,775	23,469	26,241	34,086
P/E*					12.5	10.4
P/B					3.9	3.0
Cổ tức tiền mặt (VNĐ)	N/A	N/A	N/A	30%	40%	40%

(*) P/E tính chung bao gồm hoạt động SLB

Lượng hành khách duy trì tốc độ tăng trưởng

Số liệu từ tổng cục thống kê cho thấy số lượng hành khách qua đường hàng không duy trì khá tích cực trong vòng 5 năm qua, từ mức 40 triệu khách trong năm 2012 lên 94 triệu khách trong năm 2018



(Nguồn: ACV)

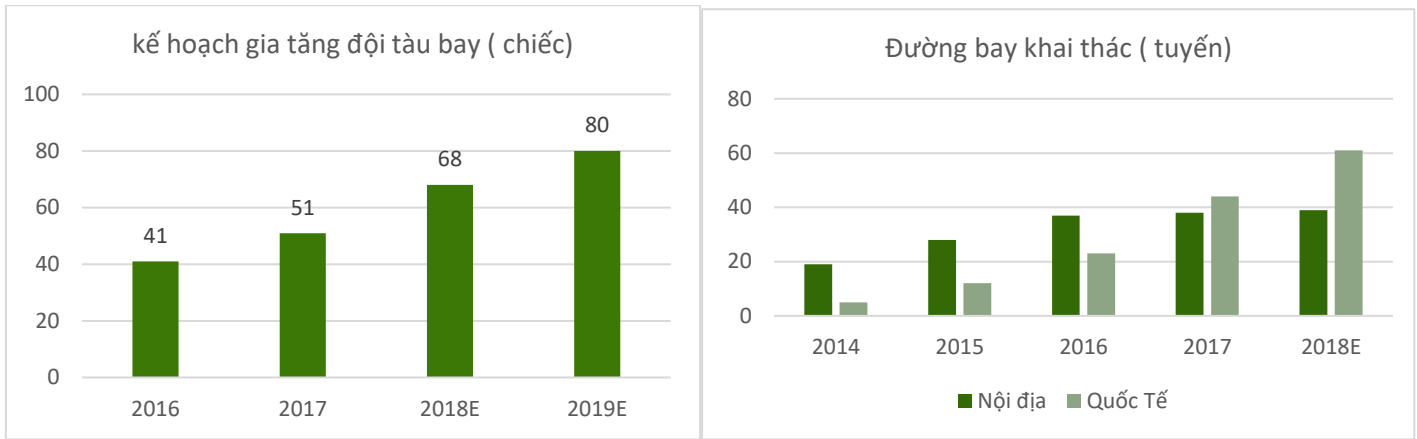
Mặc dù vậy tốc độ tăng trưởng đang cho thấy tín hiệu chậm lại. Chúng tôi nhận thấy tốc độ tăng trưởng hành khách nội địa của VJC có thể tới từ 2 nguyên nhân chính: (i) Tăng trưởng chậm lại tới từ số lượng khách nội địa, (ii) Thị phần có thể đã rơi vào mức bão hòa.

- (i) Theo tổng cục hàng không, tổng lượng hành khách thông cảng tăng trưởng ổn định ở mức 11% trong 10 tháng đầu năm 2018, tuy nhiên lượng hành khách quốc tế tăng trưởng ở mức 17% cho thấy mảng hàng khách nội địa đang phát ra tín hiệu tăng trưởng chậm lại so với mảng hành khách quốc tế
- (ii) 6 tháng đầu năm sản lượng hành khách nội địa VJC đã vận chuyển ước đạt khoảng 4.2 triệu lượt khách, tăng trưởng 12.7% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng này tương đương với mức tăng trưởng sản lượng khách nội địa (khoảng 12%), Kết thúc Quý 3/2018, Thị phần của VJC đạt mức 45%. Chúng tôi cho rằng thị phần mảng vận chuyển khách nội địa của VJC và HVN có thể sẽ không có sự thay đổi đáng kể như giai đoạn trước và giao động trong khoảng 2-3 điểm phần trăm.

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy mảng vận chuyển hành khách quốc tế sẽ dẫn dắt đà tăng trưởng cho VJC trong thời gian tới. Đồng thời thực tế ban lãnh đạo VJC hiện cũng đã đẩy mạnh việc khai thác các đường bay mới và tập trung chủ yếu là đường bay quốc tế đến các nước Tây Á.

Tiếp tục đẩy mạnh gia tăng số lượng tàu bay

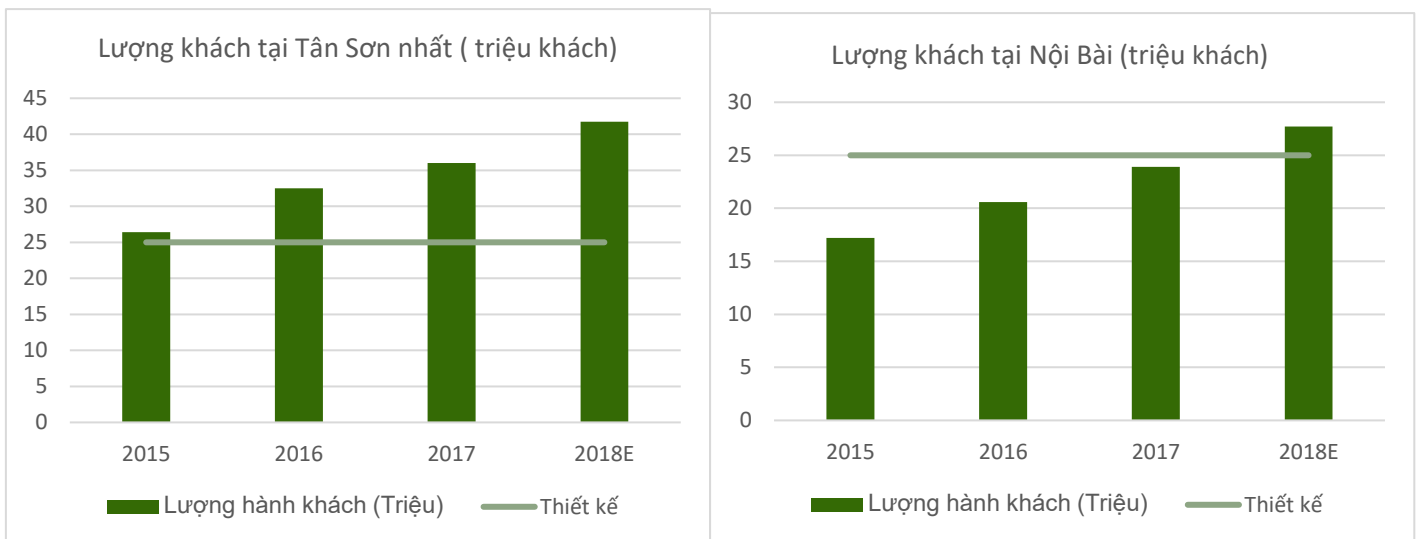
VJC có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh việc SLB trong thời gian tới và sẽ tiếp nhận khoảng 100 máy bay mới trong giai đoạn 2022 – 2025. Riêng trong năm 2018, VJC đã có kế hoạch nhận thêm 17 tàu bay mới, tuy nhiên tính tới thời điểm hiện tại VJC mới tiếp nhận 7 chiếc tàu bay. Còn trong năm 2019, VJC cũng đã lên kế hoạch sẽ tiếp tục tiếp nhận thêm 12 máy bay mới, qua đó nâng cấp đội bay dự kiến sẽ đạt con số 80. (trong trường hợp VJC nhận đủ 17 tàu bay trong năm 2018).



(Nguồn : BCTN VJC)

Chúng tôi cho rằng kế hoạch nhận thêm 17 máy bay trong năm nay có thể sẽ không được thực hiện đúng theo kế hoạch dự kiến khi công suất của các cảng hàng không nhiều khả năng sẽ không đáp ứng đủ tốc độ tăng trưởng đội tàu bay của VJC khi cả 2 sân bay quốc tế lớn nhất là Tân Sơn Nhất và Nội Bài đều đã hoạt động vượt mức công suất thiết kế trong giai đoạn hiện tại.

Ngoài ra 2 sân bay này có thể sẽ còn đóng cửa 2 đường băng nhằm trùng tu và cải tạo để nâng cấp chất lượng cũng như công suất phục vụ trong năm tới. Do đó chúng tôi, giả định rằng 2 đường băng này có thể sẽ bắt đầu đi vào bảo trì từ cuối năm 2019. Qua đó làm giảm công suất phục vụ của các hãng hàng không nói chung trong thời gian sắp tới.

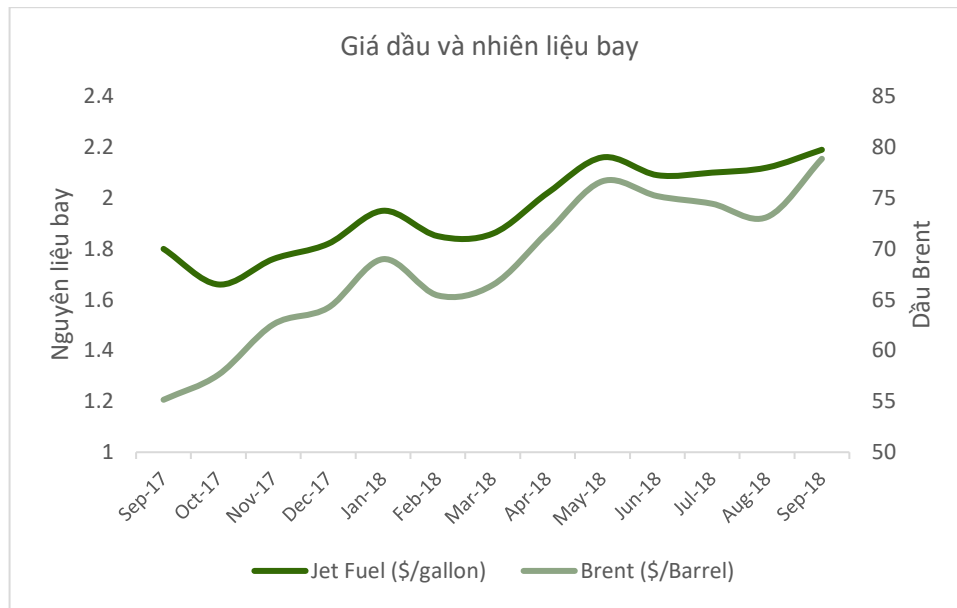


(Nguồn : ACV, PHS ước tính)

Do đó nhìn chung trong ngắn hạn chúng tôi nhận thấy kế hoạch gia tăng đội tàu bay nhiều khả năng sẽ gặp đôi chút khó khăn do vấn đề về cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên trong dài hạn hơn, việc sân bay quốc tế Long Thành đi vào hoạt động sẽ giải quyết bài toán này và giúp VJC tiếp tục mở rộng đội tàu bay của mình.

Rủi ro lớn tới từ giá dầu.

Hiện tại giá dầu Brent đang được giao dịch ở mức khoảng 75\$/thùng, tức tăng khoảng 26% so với cùng kỳ năm trước. Với các doanh nghiệp vận tải hàng không như VJC thì việc nguyên liệu bay tăng giá luôn là rủi ro cần tính tới khi chi phí của nguyên liệu bay chiếm khoảng 30-35% tổng chi phí hoạt động.



(nguồn : Indexamundi)

Việc giá dầu tăng mạnh trong thời gian qua đã khiến cho biên lợi nhuận của VJC chịu ảnh hưởng khá tiêu cực, mặc dù doanh thu mảng vận chuyển hành khách tăng trưởng 45% trong quý 3 nhưng lợi nhuận chỉ tăng tương ứng 11% so với cùng kỳ năm trước đã cho thấy rõ tác động của vấn đề này,

Chúng tôi nhận thấy việc giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh trong thời gian qua đang ăn mòn lợi nhuận của VJC trong bối cảnh giá vé không thể tăng tương ứng – giá vé tăng chủ yếu ở mảng quốc tế, trong khi đó mảng nội địa giá vé không điều chỉnh nhiều. Do đó trong năm 2018 và 2019, chúng tôi hạ biên lợi nhuận gộp của VJC từ mức 15.5% xuống còn 15% do tác động tiêu cực của giá nguyên liệu.

Chi tiết định giá và khuyến nghị

Chúng tôi cho rằng mảng Vận tải hành khách nội địa sẽ tăng trưởng ổn định ở mức 13% trong năm 2018 và 2019, qua đó doanh thu mảng vận chuyển hành khách nội địa có thể đạt lần lượt 12,185 và 13,749 tỷ đồng.

Dẫn dắt chính cho tăng trưởng VJC trong năm nay và năm sau là mảng vận tải hành khách Quốc tế nhờ vào việc mở rộng đường bay, do đó chúng tôi kỳ vọng:

- Mảng vận chuyển hành khách quốc tế có thể duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh lần lượt 100% và 50% trong 2 năm 2018 và 2019, qua đó doanh thu lần lượt đạt 4,848 và 7,232 tỷ đồng.
- Mảng doanh thu hoạt động phụ trợ tăng trưởng lần lượt 50% và 40% nhờ vào việc cải thiện các loại phí dịch vụ, doanh thu mảng này có thể giúp VJC thu về 8,170 và 11,438 tỷ đồng trong 2 năm tới.

Đối với hoạt động SLB, do cơ sở hạ tầng của các cảng hàng không đang hoạt động quá công suất thiết kế, chúng tôi cho rằng kế hoạch tiếp nhận thêm máy bay mới của VJC có thể sẽ chậm lại trong năm nay và 2019. Chúng tôi giả định mỗi năm VJC sẽ chỉ nhận thêm khoảng 10 máy bay so với kế hoạch là 12 và 17 máy bay trong năm nay và 2019.

Tính chung, chúng tôi kỳ vọng doanh thu trong năm 2018 và 2019 đạt lần lượt 49,727 tỷ đồng (+18% YoY) và 58,126 tỷ đồng (+17% YoY), trong đó doanh thu mảng hoạt động cốt lõi đạt lần lượt 29,972 tỷ đồng (+33.1% YoY) và 38,372 tỷ đồng (+28.02% YoY).

Đvt : tỷ đồng	2014	2015	2016	2017	2018E	2019E
doanh thu thuần	8,706	19,845	27,499	42,303	49,727	58,126
%YoY	130%	128%	39%	54%	18%	17%
Lợi nhuận gộp	880	2,110	3,902	6,549	7,459	8,719
%YoY	214%	140%	85%	68%	14%	17%
Biên LN Gộp	10.10%	10.63%	14.19%	15.48%	15.00%	15.00%
Biên LN HĐKD	5.10%	5.89%	9.83%	12.54%	12.30%	12.60%
Lợi nhuận sau thuế	360	1,171	2,496	5,074	5,811	6,958
LNST công ty mẹ	360	1,170	2,496	5,073	5,810	6,957
%YoY	1020%	225%	113%	103%	15%	20%

Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh P/E cho hoạt động cốt lõi của VJC với các hãng hàng không giá rẻ trong cùng khu vực để xác định giá mục tiêu. Hiện nay các hãng hàng không giá rẻ đang được giao dịch với mức P/E 15.x, chúng tôi điều chỉnh mức lợi nhuận sau thuế của VJC loại trừ mảng SLB trong năm 2019 là 3,965 tỷ đồng tương ứng với EPS forward 2019 hoạt động cốt lõi là 6,955 VNĐ/CP. Mức giá mục tiêu của VJC là 104,300 VNĐ/CP, do đó chúng tôi đưa ra khuyến nghị : Bán đối với cổ phiếu VJC.

Tuy trong ngắn hạn, các rủi ro hiện hữu đang che lấp triển vọng của VJC do đó chúng tôi đưa ra quan điểm thận trọng cho VJC trong giai đoạn hiện tại. Mặc dù vậy trong dài hạn ngành vận tải hàng không vẫn còn rất tiềm năng nhờ vào các yếu tố vĩ mô ổn định hỗ trợ cho ngành, đặc biệt là với doanh nghiệp non trẻ còn nhiều tiềm năng phát triển trong dài hạn như VJC.

Rủi ro

Giá dầu biến động mạnh gây ảnh hưởng tiêu cực tới các doanh nghiệp vận tải, đặc biệt là đối với các hãng hàng không khi đây chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu giá vốn

VJC duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định trong thời gian qua nhờ lượng hành khách tăng trưởng mạnh cùng hoạt động SLB, tuy nhiên trong thời gian tới lượng hành khách tăng trưởng chậm lại cùng việc SLB không đi theo kỳ vọng có thể khiến.

Hiện tại VJC đang có kế hoạch phát hành 28 triệu cổ phiếu để hoán đổi số lượng trái phiếu chuyển đổi dự kiến sẽ phát hành vào quý 4/2018, do đó rủi ro về pha loãng có thể ảnh hưởng tới cổ phiếu VJC.

Sơ lược công ty

Vietjet là thành viên chính thức của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) với Chứng nhận An toàn khai thác IOSA. Văn hoá An toàn là một phần quan trọng trong văn hoá doanh nghiệp Vietjet, được quán triệt từ lãnh đạo đến mỗi nhân viên trên toàn hệ thống.

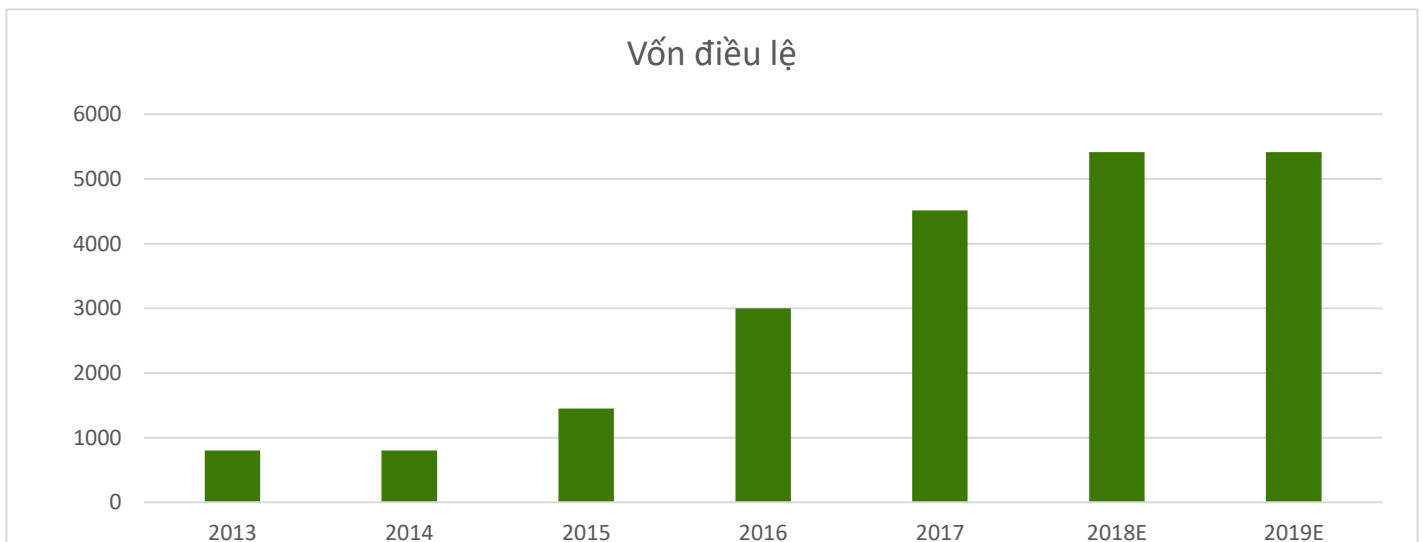
Hiện nay Vietjet đang khai thác mạng đường bay phủ khắp các điểm đến tại Việt Nam và hơn 30 điểm đến trong khu vực tới Thái Lan, Singapore, Malaysia, Myanmar, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, khai thác đội tàu bay hiện đại A320 và A321 với độ tuổi bình quân là 3.3 năm.

Trong 5 năm hoạt động khai thác, phục vụ khách hàng Vietjet đã được vinh danh với 32 giải thưởng trong nước tại Việt Nam và 9 giải thưởng quốc tế lớn.

Bên cạnh các giải thưởng và ghi nhận của thị trường trong và ngoài nước, Vietjet cũng nhận được cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ vì những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển của ngành hàng không Việt Nam.



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: VJC và PHS dự phóng

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E
Doanh thu thuần	8,706	19,845	27,499	42,303	49,727	58,126
Giá vốn hàng bán	7,827	17,736	23,597	35,753	42,268	49,407
Lợi nhuận gộp	880	2,110	3,902	6,549	7,459	8,719
Chi phí bán hàng	186	318	518	579	-646	-698
Chi phí QLDN	141	203	189	226	-249	-291
Lợi nhuận từ HĐKD	552	1589	3195	5745	6564	7731
Lợi nhuận tài chính	77	154	145	119	149	174
Chi phí lãi vay	64.3	129.7	180.7	237.6	-181.1	-191.5
Lợi nhuận trước thuế	444	1168	2703	5303	6116	7324
Lợi nhuận sau thuế	360	1,171	2,496	5,074	5,811	6,958
LNST của cổ đông Công ty mẹ	360	1170	2496	5073	5810	6957
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E
Tài Sản Ngắn Hạn	4,230	6,258	10,313	17,669	18,574	22,861
Tiền và tương đương tiền	527	924	2,741	6,862	7,459	9,881
Đầu tư tài chính ngắn hạn	270	270	1	1	-	-
Phải thu ngắn hạn	3,255	4,691	7,129	10,223	10,280	12,017
Hàng tồn kho	94	164	138	267	270	303
Tài sản ngắn hạn khác	85	209	304	315	565	660
Tài Sản Dài Hạn	3,447	5,787	9,749	13,990	16,324	18,800
Phải thu dài hạn	1,391	2,885	5,105	7,153	8,204	9,665
Tài sản cố định	33	29	1,047	1,529	1,479	1,429
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	146	137	181	222	230	237
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	68	68	149	-
Tài sản dài hạn khác	1,868	2,727	3,348	5,018	6,262	7,319
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	7,677	12,045	20,063	31,658	34,897	41,661
Nợ phải trả	6,710	9,897	15,329	21,064	20,322	22,384
Nợ ngắn hạn	4,211	6,394	10,570	13,912	13,363	13,494
Nợ dài hạn	2,499	3,504	4,759	7,153	6,959	8,890
Vốn chủ sở hữu	966	2,146	4,733	10,592	14,573	19,274
Vốn điều lệ	800	1,450	3,000	4,513	4,513	4,513
Lợi ích cổ đông thiểu số	1	1	1	2	2	2
Tổng nguồn vốn	7,677	12,045	20,063	31,658	34,897	41,661

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	N/A	851	1,636	5,578	6,884	6,131
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	N/A	(1,200)	(2,830)	(3,042)	(2,451)	(2,595)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	N/A	740	2,986	1,596	(3,835)	(1,113)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	N/A	391	1,792	4,133	597	2,422
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	N/A	526	923	2,741	6,862	7,459
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	N/A	923	2,741	6,861	7,459	9,881

Chỉ số tài chính (%)	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E
Tăng trưởng						
Doanh thu	129.7%	127.9%	38.6%	53.8%	17.5%	16.9%
Lợi nhuận sau thuế	1020%	224.7%	113.3%	103.3%	14.5%	19.7%
Tổng tài sản	160%	57%	67%	58%	74%	19%
Tổng vốn chủ sở hữu	60%	122%	120%	124%	38%	32%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	10.1%	10.6%	14.2%	15.5%	15.0%	15.0%
Tỷ suất EBIT	6.3%	8.0%	11.6%	13.6%	13.2%	13.3%
Tỷ suất EBITDA	6.5%	8.1%	11.7%	13.6%	13.2%	13.3%
Tỷ suất lãi ròng	4.1%	5.9%	9.1%	12.0%	11.7%	12.0%
ROA	6.8%	11.9%	15.5%	19.6%	17.5%	19.9%
ROE	45.9%	75.2%	72.6%	66.2%	46.2%	47.7%
Hiệu quả hoạt động						
Vòng quay khoản phải thu	5.1	5.0	4.7	4.9	4.9	4.5
Vòng quay hàng tồn kho	101.4	137.5	156.1	176.5	157.4	147.6
Vòng quay khoản phải trả	27.9	47.2	57.7	75.4	65.5	62.5
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.00	0.98	0.98	1.27	1.39	1.69
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.98	0.95	0.96	1.25	1.37	1.67
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.79	0.87	0.82	0.76	0.67	0.58
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	3.87	6.95	4.61	3.24	1.99	1.39
Vay ngắn hạn/VCSH	0.35	2.69	1.65	1.29	0.65	0.35
Vay dài hạn/VCSH	0.00	0.00	0.00	0.15	0.06	0.00

Nguồn: PHS

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801